TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

2. Bà Nguyễn Thị Phượng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Lê Phú Qúy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2023/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 105/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Số B, ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Số B, ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa, anh T là nguyên đơn trình bày:

Anh T và chị L cưới nhau và có đăng ký kết hôn ngày 25/12/2006 tại Ủy ban nhân dân xã B. C sống đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau và xa nhau đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên anh Tình yêu c xin ly hôn với chị L.

Quá trình sống chung, anh T và chị L có 01 con chung tên Bùi Tấn P, sinh ngày 30/01/2008 hiện đang sống với anh T. Anh Tình yêu c tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị L vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết của Tòa án và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị L đang sinh sống tại huyện L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, theo quy định tại Điều 28; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị L được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh T và chị L chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn, được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, khi có mâu thuẫn anh T và chị L chọn cách sống ly thân nhau. Khi Tòa án triệu tập hòa giải để tạo điều kiện cho vợ chồng có điều kiện để hàn gắn tình cảm, trở lại chung sống để lo cho con chung. Nhưng chị L đều không đến Tòa án. Điều đó chứng minh chị L không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân với anh T.

Do đó, xét thấy cuộc hôn nhân giữa anh T và chị L đã lâm vào tình trạng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“Điều 19. Tình nghĩa vợ chồng

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

2. Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn."

Từ nhận định và điều luật trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

[2.2] Về nuôi con chung:

Quá trình sống chung, anh T và chị L có 01 con chung tên Bùi Tấn P, sinh ngày 30/01/2008 hiện đang sống với anh T. Anh Tình yêu c tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy con chung hiện đang sống với anh T và có văn bản ý kiến được sống với cha. Do đó, giao con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh T đủ điều kiện lo cho con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét.

Chị L không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con theo quy định.

[2.3] Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Anh T xin ly hôn nên phải nộp án phí sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 59, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Văn T. Anh Bùi Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Trúc L1.

2. Về nuôi con chung:

Anh Bùi Văn T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Bùi Tấn P, sinh ngày 30/01/2008 hiện đang sống với anh T. Anh T không yêu cầu chị L1 cấp dưỡng nuôi con.

Chị L1 được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh T và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị L1 thực hiện quyền này.

3. Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Anh Bùi Văn T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0016674 ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

6. Án xử công khai. Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- UBND xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, (giấy CNKH số 276 ngày 25/12/2006);
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Kiều Tiên